

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 118/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21-8-2024

V/v: Ly hôn giữa chị Thuý và anh Quang

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ;

Ông Lê Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Mai Vi Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 14/5/2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2024 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979; địa chỉ: xóm F, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lương Văn Q, sinh năm 1976; địa chỉ: xóm F, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn Q tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/1997. Sau khi lấy nhau vợ chồng sống hạnh phúc và sinh

được 1 con, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Ngoài ra do anh Q chơi bời không quan tâm chăm lo cho gia đình. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị là được xin ly hôn anh Lương Văn Q.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Lương Công T1, sinh ngày 03/11/1999; hiện con T1 đã trưởng thành, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Lương Văn Q, anh Q đã nhận nhưng cố tình không đến Tòa án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án về việc chị T xin ly hôn.

*Kết quả thu thập chứng cứ tại UBND xã X.*

Chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn Q là người có nơi cư trú tại xã X.

Khi Tòa án gửi các văn bản tố tụng thông qua địa phương để tổng đạt cho anh Lương Văn Q, anh Q đã ký nhận xong không đến Tòa án để làm việc.

\* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn Q tự nguyện hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 03/10/1997. Chị T và anh Q mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Ngoài ra, anh Q còn có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Căn cứ vào lời trình bày của T cũng như thực trạng hôn nhân của các bên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh Lương Văn Q.

\*Về con chung: Chị T và anh Q có 01 con chung tên Lương Công T1, sinh ngày 03/11/1999 đã trưởng thành khi ly hôn chị T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

\* Về tài sản: Chị T và anh Q không có tài sản ở địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lương Văn Q.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật; bị đơn chưa chấp hành theo quy định của pháp luật;

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị T** và anh **Lương Văn Q** đến với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị **T** và anh **Q** sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hoà hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói. Mặc dù anh **Q** đã nhận văn bản tố tụng của Toà án nhưng không đến Toà án để làm việc, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án về việc chị **T** xin ly hôn, điều đó chứng tỏ anh **Q** không thiết tha mặn mà với cuộc hôn nhân của vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị **T** và anh **Q** là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, chị **T** xin ly hôn anh **Q** là phù hợp nên HĐXX sẽ chấp nhận yêu cầu của chị **T** là xử cho ly hôn với anh **Q** theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị **T** và anh **Q** có 01 con chung con tên là **Lương Công T1**, sinh ngày 03/11/1999; hiện con đã trưởng thành. Xét thấy, chị **T** không yêu cầu Toà án xem xét khi ly hôn là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị **T** không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị **Nguyễn Thị T** và anh **Lương Văn Q**.

2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị T** không yêu cầu Toà án xem xét.

3. Về tài sản: Chị **Nguyễn Thị T** không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị T** phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000145 ngày 14/5/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị **Nguyễn Thị T** đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh: 01 bản;
- VKSND tỉnh + huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện: 01 bản;
- UBND xã: 01 bản;
- Các đương sự : 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Ngọc Long**





































